

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Lý Vương	Thảo	KQH012587	4	37.00	1.5	39.00
2	Dương Thị Bảo	Châu	SPH002228	4	36.00	0.5	36.67
3	Nguyễn An	Giang	SPH004532	3	36.00		36.00
4	Bùi Hà	Phượng	TLA010880	3	35.75		35.75
5	Phạm Hằng	Nga	SPH012206	4	35.50		35.50
6	Nguyễn Văn	Chính	HVN001255	4	34.75	0.5	35.42
7	Hoàng Khánh	Linh	THP008243	4	34.75	0.5	35.42
8	Bùi Thị Thùy	Dung	SPH002977	4	34.75	0.5	35.42
9	Lê	Na	TDV019798	4	34.75	0.5	35.42
10	Phạm Thị Việt	Nhân	HHA010414	4	35.00		35.00
11	Nguyễn Văn	Thanh	HVN009361	4	34.25	0.5	34.92
12	Phan Hoài	Thu	TLA013199	4	34.25	0.5	34.92
13	Nguyễn Hữu	Bách	TDV002014	4	34.25	0.5	34.92
14	Lê Tú	Quỳnh	SPH014494	4	32.75	1.5	34.75
15	Trần Hoàng	Anh	SPH001483	4	34.75		34.75
16	Lưu Thanh	Thủy	KHA009796	4	34.75		34.75
17	Phạm Ngọc	Anh	THV000586	2	32.75	1.5	34.75
18	Vương Thị Ngọc	Mai	KQH008869	4	34.00	0.5	34.67
19	Hà Thanh	Huyền	YTB009911	4	34.00	0.5	34.67
20	Trịnh Hương	Giang	BKA003561	3	34.00	0.5	34.67
21	Vũ Thị Ngọc	Mai	THV008481	4	32.50	1.5	34.50
22	Vương Nguyễn Hoàng	Yến	LNH011034	4	32.50	1.5	34.50
23	Doãn Nhật	Linh	TLA007637	4	34.50		34.50
24	Lại Thị Ngọc	Mai	SPH010980	3	34.50		34.50
25	Nguyễn Thị	Phượng	TLA011186	3	33.50	0.5	34.17
26	Đinh Thị Thu	Giang	HDT006217	2	29.50	3.5	34.17
27	Nguyễn Thu	Huyền	SPH007932	4	34.00		34.00
28	Trần Thùy	Linh	TND014820	4	32.00	1.5	34.00
29	Nghiêm Thị Lan	Hương	HHA006797	1	32.00	1.5	34.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Nguyễn Bích	Thủy	BKA012656	4	33.25	0.5	33.92
31	Phạm Thị Việt	Hà	YTB006150	4	33.00	0.5	33.67
32	Phạm Thị	Quỳnh	BKA011121	4	33.00	0.5	33.67
33	Trịnh Thị	Hương	KQH006815	4	33.00	0.5	33.67
34	Trần Khánh	Trình	TDV033555	4	33.00	0.5	33.67
35	Nguyễn Thị	Hạnh	TLA004432	2	33.00	0.5	33.67
36	Phạm Nguyễn Hoàng	Duy	SPH003440	4	33.50		33.50
37	Nguyễn Thị Thúy	Vân	SPH019290	4	33.50		33.50
38	Bùi Thanh	Sơn	HDT021540	4	32.75	0.5	33.42
39	Vũ Thị Ngọc	Diệp	HDT003627	4	32.75	0.5	33.42
40	Nguyễn Thảo	Nguyên	HHA010294	4	32.75	0.5	33.42
41	Nguyễn Thị Huyền	Trang	TDV032551	4	32.75	0.5	33.42
42	Bùi Thế	Cảnh	DCN001073	2	32.75	0.5	33.42
43	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	YTB014050	4	32.00	1.0	33.33
44	Nguyễn Thị Xong	Ngân	THV009303	4	30.00	2.5	33.33
45	Chu Thị Huyền	Bông	SPH002150	4	32.00	1.0	33.33
46	Lê Kiều	Minh	TLA009169	4	33.25		33.25
47	Phạm Thu	Hương	SPH008447	4	33.25		33.25
48	Đỗ Thị Linh	Chi	SPH002343	4	33.25		33.25
49	Trần Thị Mỹ	Linh	BKA007823	4	33.25		33.25
50	Lưu Thu	Trang	THV013776	3	31.25	1.5	33.25
51	Bùi Thị Vũ	Hoa	THV004696	3	31.25	1.5	33.25
52	Đoàn Thị Ngọc	Mai	TSN008875	3	31.25	1.5	33.25
53	Nguyễn Thị Thảo	Duyên	TQU001001	3	31.25	1.5	33.25
54	Phan Hoàng	Nam	SPH012017	2	33.25		33.25
55	Nguyễn Hoàng Nhật	Minh	SPH011408	1	33.25		33.25
56	Nguyễn Mỹ	Linh	TLA007965	1	33.25		33.25
57	Lê Thị Quỳnh	Hoa	HDT009228	4	32.50	0.5	33.17
58	Trần Thị Ngọc	Ly	BKA008349	4	32.50	0.5	33.17

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Phạm Khánh	Linh	THP008468	4	32.50	0.5	33.17
60	Trần Thị Linh	Diệp	TND003502	3	28.50	3.5	33.17
61	Đặng Khánh	Huyền	BKA005936	2	32.50	0.5	33.17
62	Chu Thuỳ	Dương	TND004462	3	31.75	1.0	33.08
63	Trần Ngọc	Linh	BKA007800	4	33.00		33.00
64	Lê Tú	Anh	BKA000358	2	33.00		33.00
65	Vương Phương	Anh	KQH000789	4	32.25	0.5	32.92
66	Trần Hà	Ngân	TDV020859	4	32.25	0.5	32.92
67	Nguyễn Thị	Trang	KQH014653	4	32.25	0.5	32.92
68	Nguyễn Thúy	Quỳnh	SPH014554	4	32.25	0.5	32.92
69	Phạm Thị Thúy	Quỳnh	YTB018425	4	32.25	0.5	32.92
70	Vũ Thu	Hiền	HHA004696	3	32.25	0.5	32.92
71	Nguyễn Thị Bảo	Thoa	TLA013067	3	32.25	0.5	32.92
72	Nguyễn Thị	Huyền	HVN004671	4	31.50	1.0	32.83
73	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TDV028152	2	29.50	2.5	32.83
74	Bùi Kiều	My	SPH011605	4	32.75		32.75
75	Phạm Hồng	Nhung	SPH013150	4	32.75		32.75
76	Lê Minh	Hằng	HDT007826	3	30.75	1.5	32.75
77	Đỗ Ngọc Anh	Thư	SPH016809	3	32.75		32.75
78	Đinh Ngọc	Mai	TND015881	3	30.75	1.5	32.75
79	Vũ Thùy	Dung	SPH003127	3	32.75		32.75
80	Bùi Thanh	Hằng	SPH005516	3	32.75		32.75
81	Đỗ Thị	Hường	TND012119	4	32.00	0.5	32.67
82	Nguyễn Quang	Hưng	THV006048	4	28.00	3.5	32.67
83	Vũ Thị Phương	Nhung	KQH010404	4	32.00	0.5	32.67
84	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	TDV022430	3	32.00	0.5	32.67
85	Nguyễn Hồng	Hạnh	HHA004201	1	32.00	0.5	32.67
86	Nguyễn Phương	Anh	SPH000897	4	32.50		32.50
87	Đổng Văn	Thiệu	HHA013352	4	32.50		32.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
88	Trần Thị Hải	Anh	SPH001537	4	32.50		32.50
89	Dương Việt	Trình	KHA010663	4	32.50		32.50
90	Đào Trọng	Nghĩa	TND017678	4	30.50	1.5	32.50
91	Vũ Thị Phương	Thảo	SPH015859	3	32.50		32.50
92	Trần Huy	Quang	SPH014110	3	32.50		32.50
93	Nguyễn Bảo	Châu	TTB000517	3	30.50	1.5	32.50
94	Vũ Minh	Ngọc	BKA009633	3	32.50		32.50
95	Nguyễn Thị	Thủy	THP014363	4	31.75	0.5	32.42
96	Hoàng Hạnh Minh	Châu	YTB002177	4	31.75	0.5	32.42
97	Vũ Diệu	Linh	KHA005954	4	31.75	0.5	32.42
98	Nguyễn Thị Hương	Trà	TND025963	4	31.75	0.5	32.42
99	Hoàng Ngọc	Phong	TND019519	4	27.75	3.5	32.42
100	Nguyễn Thu	Hiền	TND007968	3	31.75	0.5	32.42
101	Nguyễn Thị Huệ	Chi	TDV002941	4	30.25	1.5	32.25
102	Lê Thị Ngọc	ánh	SPH001763	4	32.25		32.25
103	Nguyễn Thu	Hằng	SPH005682	4	32.25		32.25
104	Trần Hải	Nam	THV009056	4	30.25	1.5	32.25
105	Nguyễn Thị Khánh	Linh	TLA008029	4	32.25		32.25
106	Hoàng Thu	Hương	THV006154	4	30.25	1.5	32.25
107	Đoàn Thị Hồng	Chinh	HHA001668	4	30.25	1.5	32.25
108	Trần Ngọc Lam	Giang	SPH004667	4	32.25		32.25
109	Nguyễn Ngọc	Linh	SPH009831	3	32.25		32.25
110	Nguyễn Hoàng Chi	Mai	TLA008915	3	32.25		32.25
111	Vũ Thanh	Huyền	TTB002867	2	30.25	1.5	32.25
112	Nguyễn Thị	Ngân	SPH012307	1	32.25		32.25
113	Vũ Khánh	Linh	SPH010244	1	32.25		32.25
114	Đỗ Thị Thùy	Trang	DCN011646	4	31.50	0.5	32.17
115	Vũ Trường	Anh	TLA001373	4	31.50	0.5	32.17
116	Hoàng Thị	Nhung	YTB016354	4	31.50	0.5	32.17

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
117	Nguyễn Thị Thu	Hà	TDV007892	4	31.50	0.5	32.17
118	Bùi Thị Hải	Anh	TLA000128	4	31.50	0.5	32.17
119	Nguyễn Thị Hải	Yến	HVN012514	4	31.50	0.5	32.17
120	Đỗ Thùy	Linh	TDV016293	4	31.50	0.5	32.17
121	Đoàn Trúc	Phượng	HHA011074	4	31.50	0.5	32.17
122	Lê Đặng Việt	Mỹ	BKA008907	4	31.50	0.5	32.17
123	Nguyễn Thị Kim	Ngân	SPH012301	3	31.50	0.5	32.17
124	Nguyễn Lâm	Oanh	HHA010786	3	31.50	0.5	32.17
125	Bạch Thị	Nga	SPH012090	2	30.75	1.0	32.08
126	Trịnh Minh	Phượng	SPH013978	4	32.00		32.00
127	Trần Thùy	Linh	KHA005936	4	32.00		32.00
128	Nguyễn Thu	Trang	TLA014185	4	32.00		32.00
129	Bùi Thọ	Kiên	SPH008873	4	32.00		32.00
130	Nguyễn Quỳnh	Anh	SPH000949	3	32.00		32.00
131	Phạm Xuân	Trường	SPH018261	3	32.00		32.00
132	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	TLA008062	2	30.00	1.5	32.00
133	Vũ Phương	Hà	LNH002604	2	30.00	1.5	32.00
134	Ngô Thị Ngọc	Trâm	YTB023242	4	31.25	0.5	31.92
135	Nguyễn Hồng	Phượng	THV010629	4	31.25	0.5	31.92
136	Vũ Thị Phương	Thảo	KHA009261	4	31.25	0.5	31.92
137	Lã Thị	Trang	TND026228	4	27.25	3.5	31.92
138	Đào Thị Hồng	Nhung	THP010855	4	31.25	0.5	31.92
139	Trần Thị Thu	Trang	BKA013643	4	31.25	0.5	31.92
140	Nguyễn Thị Hà	Nhi	HVN007738	4	31.25	0.5	31.92
141	Tạ Thị Hồng	Hải	TND006773	4	31.25	0.5	31.92
142	Trịnh Thị Diệu	Linh	HDT014905	3	31.25	0.5	31.92
143	Nguyễn Như Thái	Linh	DCN006383	3	31.25	0.5	31.92
144	Nguyễn Thị ái	Lành	TDV015722	3	31.25	0.5	31.92
145	Nguyễn Thủy	Tiên	HVN010607	3	31.25	0.5	31.92

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
146	Vũ Diệu	Linh	HDT014967	3	27.25	3.5	31.92
147	Phạm Thu	Phượng	BKA010497	2	31.25	0.5	31.92
148	Phạm Hồng	Nhung	HVN007875	4	30.50	1.0	31.83
149	Lương Việt	Trình	YTB023328	4	30.50	1.0	31.83
150	Nguyễn Thị	Trang	HDT026950	4	30.50	1.0	31.83
151	Vũ Thị Kiều	Diễm	KHA001544	4	30.50	1.0	31.83
152	Nguyễn Thị Mai	Quỳnh	THP012340	3	30.50	1.0	31.83
153	Bùi Thị Thanh	Phượng	BKA010330	3	30.50	1.0	31.83
154	Thái Thị	Hạnh	TDV008689	2	30.50	1.0	31.83
155	Nguyễn Thục	Anh	BKA000656	4	31.75		31.75
156	Nguyễn Trường	Nam	SPH011990	4	31.75		31.75
157	Bùi Quang	Hoàng	THV004971	4	29.75	1.5	31.75
158	Trần Thị Thu	Hoa	SPH006597	4	31.75		31.75
159	Phạm Quỳnh	Trang	THV013949	4	29.75	1.5	31.75
160	Phạm Phương	Anh	SPH001334	4	31.75		31.75
161	Nguyễn Thùy	Linh	SPH009993	4	31.75		31.75
162	Trần Ngọc	Anh	SPH001508	3	31.75		31.75
163	Bùi Thu	Trang	SPH017271	3	31.75		31.75
164	Hoàng Lệ	Quyên	SPH014338	3	31.75		31.75
165	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	TLA000891	3	31.75		31.75
166	Nguyễn Thành	Công	SPH002680	2	31.75		31.75
167	Lưu Thảo	Dương	TLA002961	1	29.75	1.5	31.75
168	Nguyễn Diệu	Hoa	THV004742	4	27.00	3.5	31.67
169	Hoàng Hồng	Nga	TND017306	4	27.00	3.5	31.67
170	Phùng Thị Quỳnh	Trang	SPH017766	4	31.00	0.5	31.67
171	Phạm Lê Ngọc	Mai	THP009258	4	31.00	0.5	31.67
172	Bùi ánh	Ngọc	DCN008016	4	31.00	0.5	31.67
173	Lê Thị	Hương	TLA006701	4	31.00	0.5	31.67
174	Nguyễn Mạnh	Trí	THV014070	3	31.00	0.5	31.67

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
175	Bùi Mai	Anh	BKA000082	3	31.00	0.5	31.67
176	Sần Thành	Nam	THV009047	2	27.00	3.5	31.67
177	Nguyễn Thị Thu	Hà	HVN002733	4	30.25	1.0	31.58
178	Phan Như	Quỳnh	SPH014564	3	30.25	1.0	31.58
179	Trần Huệ	Trình	YTB023359	3	30.25	1.0	31.58
180	Trần Vũ Thanh	Tâm	YTB019066	3	30.25	1.0	31.58
181	Dương Thị Thùy	Linh	THV007274	4	29.50	1.5	31.50
182	Hồ Thị	Hằng	TDV008975	4	29.50	1.5	31.50
183	Cao Thanh	Huyền	SPH007666	4	31.50		31.50
184	Ngô Minh	Quân	TLA011350	4	31.50		31.50
185	Nguyễn Thúy	Hằng	THV004109	4	29.50	1.5	31.50
186	Đình Hương	Giang	HDT006211	4	29.50	1.5	31.50
187	Lê Hương	Giang	TLA003824	4	31.50		31.50
188	Nguyễn Văn	San	THV011224	4	29.50	1.5	31.50
189	Phạm Nguyễn Quang	Minh	SPH011497	4	31.50		31.50
190	Trần Văn	Anh	TLA001282	4	31.50		31.50
191	Lê Thị Ngọc	Hồng	HDT010096	3	29.50	1.5	31.50
192	Hoàng	Lan	DCN005894	3	31.50		31.50
193	Nguyễn Xuân	Nguyên	NLS008224	3	29.50	1.5	31.50
194	Nguyễn Thanh	Nhàn	HDT018431	3	29.50	1.5	31.50
195	Tăng Hoàng	Minh	BKA008740	2	31.50		31.50
196	Trịnh Huyền	My	SPH011729	2	31.50		31.50
197	Phan Thanh	Trà	DCN011602	4	30.75	0.5	31.42
198	Trần Thị	Quỳnh	YTB018449	4	30.75	0.5	31.42
199	Trần Vũ Thùy	Trang	THP015430	3	30.75	0.5	31.42
200	Tăng Văn	Hiện	KQH004702	2	30.75	0.5	31.42
201	Nguyễn Ngọc	Phương	HHA011152	2	30.75	0.5	31.42
202	Phạm Thị Thùy	Linh	KHA005873	4	30.00	1.0	31.33
203	Nguyễn Phương	Thảo	SPH015691	2	30.00	1.0	31.33

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
204	Nguyễn Thúy	Hạnh	SPH005408	4	31.25		31.25
205	Đào Ngọc	Linh	BKA007367	4	31.25		31.25
206	Lê Trâm	Anh	SPH000560	4	31.25		31.25
207	Trần Hải	Nam	SPH012045	4	31.25		31.25
208	Trịnh Thu	Phượng	HHA011291	4	31.25		31.25
209	Nguyễn Trần Thảo	My	BKA008874	4	31.25		31.25
210	Phi Quang	Khải	THV006494	3	29.25	1.5	31.25
211	Hà Anh	Thư	BKA012862	3	31.25		31.25
212	Vũ Thị Trà	My	HHA009423	3	31.25		31.25
213	Trần Khánh	Linh	SPH010153	2	31.25		31.25
214	Ngô Trang	Linh	SPH009686	2	31.25		31.25
215	Trần Hưng	Phúc	TDV023636	4	30.50	0.5	31.17
216	Cần Thị Thu	Trang	DCN011626	4	30.50	0.5	31.17
217	Trịnh Thị Thu	Thuỷ	KQH013541	3	30.50	0.5	31.17
218	Tống Kiên	Định	TDV006338	3	30.50	0.5	31.17
219	Phạm Thúy	Hiền	HDT008614	3	30.50	0.5	31.17
220	Mai Thị	Lệ	DHU010633	3	30.50	0.5	31.17
221	Bùi Hải	Công	TLA002126	2	28.50	2.0	31.17
222	Nguyễn Thị Hồng	Vân	THP016599	1	30.50	0.5	31.17
223	Hoàng Thị Thanh	Ngọc	TDV021093	4	29.75	1.0	31.08
224	Nông Đức	Minh	SPH011485	4	29.75	1.0	31.08
225	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	YTB000867	4	29.75	1.0	31.08
226	Trần Quốc	Lượng	KQH008562	3	29.75	1.0	31.08
227	Đỗ Tiến	Diễn	SPH002923	3	29.75	1.0	31.08
228	Lê Thị	Thủy	TDV030364	4	29.00	1.5	31.00
229	Đỗ Huy	Khôi	SPH008831	4	31.00		31.00
230	Nguyễn Thanh	Loan	SPH010336	4	31.00		31.00
231	Đào Thị Thu	Huyền	TDV013257	4	29.00	1.5	31.00
232	Trần Ngọc	Mai	SPH011063	4	29.00	1.5	31.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
233	Vũ Thị Chi	Mai	HDT016187	4	29.00	1.5	31.00
234	Doãn Ngọc	ánh	TTB000304	4	29.00	1.5	31.00
235	Đặng Việt	Hà	HHA003669	4	31.00		31.00
236	Phạm Thị Linh	Phương	TDV024119	4	29.00	1.5	31.00
237	Phạm Thủy	Tiên	THV013353	4	29.00	1.5	31.00
238	Phan Thị	Minh	HHA009267	4	31.00		31.00
239	Phan Thị Nguyên	Anh	TTN000582	3	29.00	1.5	31.00
240	Vũ Hải	Anh	SPH001634	3	31.00		31.00
241	Đỗ Hà	Linh	TLA007647	3	31.00		31.00
242	Nguyễn Hải	Dung	SPH003037	2	31.00		31.00
243	Phạm Thị Hải	Anh	THV000595	1	29.00	1.5	31.00
244	Phạm Mạnh	Hung	TLA006606	1	31.00		31.00
245	Nguyễn Thị Phương	Thảo	DHU021291	4	30.25	0.5	30.92
246	Trần Thúy	Nga	HVN007250	4	30.25	0.5	30.92
247	Bùi Thị Quỳnh	Trâm	TDV033214	4	30.25	0.5	30.92
248	Vương Sỹ Thị	Giang	KQH003445	4	30.25	0.5	30.92
249	Đỗ Thị Phương	Mai	THV008359	4	30.25	0.5	30.92
250	Trần Đức	Hiếu	YTB008052	4	30.25	0.5	30.92
251	Đặng Thị	Lợi	TDV017873	4	30.25	0.5	30.92
252	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	THP006590	4	29.50	1.0	30.83
253	Ngô Phương Thanh	Thủy	THP014329	1	29.50	1.0	30.83
254	Dương Ngọc	Lan	TTN009134	4	28.75	1.5	30.75
255	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005916	4	28.75	1.5	30.75
256	Trần Kim	Chi	SPH002440	4	30.75		30.75
257	Hoàng Hồng	Hạnh	TQU001535	4	28.75	1.5	30.75
258	Đỗ Thị Mỹ	Linh	THV007289	4	28.75	1.5	30.75
259	Trần Thị	Tú	TTB007037	4	28.75	1.5	30.75
260	Lê Thị Bằng	Giang	TQU001305	4	28.75	1.5	30.75
261	Phùng Linh	Trang	THV013973	4	28.75	1.5	30.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

Trang 10

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
262	Hoàng Thảo	Linh	SPH009555	3	30.75		30.75
263	Tạ Hoàng	Hà	TLA004182	3	30.75		30.75
264	Đỗ Thị Mai	Hoa	HDT009149	3	28.75	1.5	30.75
265	Trần Thạch	Thảo	SPH015832	3	30.75		30.75
266	Nguyễn Diệu	Anh	TND000596	3	28.75	1.5	30.75
267	Nguyễn Kiều	Trinh	TLA014415	3	30.75		30.75
268	Ngô Thu	Uyên	SPH019146	3	30.75		30.75
269	Lê Thùy	Dương	KHA002017	3	30.75		30.75
270	Nguyễn Đào Phương	Linh	TLA007906	2	30.75		30.75
271	Lê Nguyễn Khánh	Linh	SPH009595	2	30.75		30.75
272	Tô Thị Xuân	Thanh	TLA012242	2	30.75		30.75
273	Nguyễn Hà	Linh	TLA007912	1	30.75		30.75
274	Dương Mai	Ngọc	DHU014355	4	30.00	0.5	30.67
275	Nguyễn Thị Thu	Hiền	TND007953	4	30.00	0.5	30.67
276	Bùi Thị	Dung	HVN001590	4	30.00	0.5	30.67
277	Trần Minh	Diễm	BKA001980	4	30.00	0.5	30.67
278	Hà Thị Ngọc	Mai	THV008379	3	30.00	0.5	30.67
279	Vũ Thu	Trang	KQH014312	3	30.00	0.5	30.67
280	Trần Thị Ngọc	ánh	KQH000928	3	30.00	0.5	30.67
281	Nguyễn Thị Thu	Đông	TND005377	3	30.00	0.5	30.67
282	Nguyễn Thị Thùy	Trang	HVN011094	2	30.00	0.5	30.67
283	Đỗ Thị Quỳnh	Trang	DCN011643	1	30.00	0.5	30.67
284	Bùi Thị Mai	Phương	YTB017127	4	29.25	1.0	30.58
285	Đoàn Thị	Nhàn	THP010693	4	29.25	1.0	30.58
286	Phạm Thị	Lam	TTB003296	4	28.50	1.5	30.50
287	Vũ Phương	Thảo	SPH015853	4	30.50		30.50
288	Nguyễn Kiều	Anh	SPH000799	4	30.50		30.50
289	Trần Thị Liên	Hương	SPH008473	4	30.50		30.50
290	Phạm Thu	Thảo	THV012327	4	28.50	1.5	30.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
291	Nguyễn Thảo	My	THV008838	4	28.50	1.5	30.50
292	Đỗ Thị Quỳnh	Anh	TTB000061	4	28.50	1.5	30.50
293	Nguyễn Thị Hà	An	THP000039	4	30.50		30.50
294	Điền Thị Thúy	Hằng	HDT007776	4	28.50	1.5	30.50
295	Nguyễn Việt	Khánh	SPH008763	4	30.50		30.50
296	Vũ Nguyễn Hải	Đường	BKA003385	4	30.50		30.50
297	Nguyễn Thuý	Linh	KHA005802	3	30.50		30.50
298	Trần Cao ánh	Dương	HHA002782	3	30.50		30.50
299	Nguyễn Việt	Bách	SPH001919	3	30.50		30.50
300	Đặng Thị Vân	Anh	THV000152	3	28.50	1.5	30.50
301	Nguyễn Thị Minh	Hương	TTB002990	3	28.50	1.5	30.50
302	Lê Diệp	Anh	TLA000385	3	30.50		30.50
303	Trần Thị Như	Quyên	TTB005117	2	28.50	1.5	30.50
304	Nguyễn Thu	Thảo	SPH015767	2	30.50		30.50
305	Lê Thị Thu	Trang	HHA014537	2	30.50		30.50
306	Nguyễn Nguyệt	ánh	SPH001794	2	30.50		30.50
307	Vũ Hồ Diệu	Linh	TLA008344	1	30.50		30.50
308	Phạm Thị Hồng	Ngọc	HDT018109	4	29.75	0.5	30.42
309	Hoàng Ngọc	ánh	TND001290	4	25.75	3.5	30.42
310	Bùi Tú	Anh	DCN000078	4	29.75	0.5	30.42
311	Phùng Thị Diễm	Hương	KHA004894	4	29.75	0.5	30.42
312	Phan Cẩm	Tú	TTB007032	4	25.75	3.5	30.42
313	Vũ Thanh	Hương	HHA006977	4	29.75	0.5	30.42
314	Vũ Đức	Minh	HVN006893	3	29.75	0.5	30.42
315	Nguyễn Lê Diệu	Linh	DCN006370	2	29.75	0.5	30.42
316	Nguyễn Hoàng Minh	Thảo	HHA012895	2	29.75	0.5	30.42
317	Trần Thu	Hiền	HVN003511	1	29.75	0.5	30.42
318	Bạch Thị Sao	Mai	KQH008697	1	25.75	3.5	30.42
319	Phạm Thị Hoàng	Phương	YTB017412	4	29.00	1.0	30.33

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
320	Phạm Thị	Hoa	YTB008292	3	29.00	1.0	30.33
321	Nguyễn Thị	Quỳnh	HHA011806	2	29.00	1.0	30.33
322	Lê Thị Mỹ	Hà	TND006248	4	28.25	1.5	30.25
323	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	SPH012598	4	30.25		30.25
324	Cao Hà	Linh	TTN009637	4	28.25	1.5	30.25
325	Đào Ngọc	Anh	SPH000261	4	30.25		30.25
326	Ngô Thị Thùy	Linh	HHA007982	4	30.25		30.25
327	Đinh Ngọc	ánh	HDT001748	4	28.25	1.5	30.25
328	Nguyễn Thị Mai	Hương	LNH004539	4	28.25	1.5	30.25
329	Vũ Hoàng	Minh	SPH011569	3	30.25		30.25
330	Ngô Thu	Hiền	SPH005905	3	30.25		30.25
331	Nguyễn Anh	Tú	SPH018353	3	30.25		30.25
332	Nguyễn Mai	Hương	SPH008315	3	30.25		30.25
333	Lại Thu	Thủy	TQU005459	3	28.25	1.5	30.25
334	Phương Hoàng Tú	Lam	TLA007315	3	30.25		30.25
335	Trần Ngọc	Minh	HHA009313	3	30.25		30.25
336	Phạm Thị Phương	Anh	SPH001370	3	30.25		30.25
337	Nguyễn Quang	Quyển	SPH014377	2	30.25		30.25
338	Hoàng Thị Kim	Anh	HDT000432	2	28.25	1.5	30.25
339	Trần Lê	Minh	HDT016703	4	29.50	0.5	30.17
340	Triệu Thùy	Linh	TND014767	4	25.50	3.5	30.17
341	Nguyễn Thị	Ly	DCN007040	4	29.50	0.5	30.17
342	Vũ ánh	Nguyệt	TDV021765	4	29.50	0.5	30.17
343	Bùi Hải	Yến	LNH010934	4	25.50	3.5	30.17
344	Vũ Thị	Nga	THP010061	3	29.50	0.5	30.17
345	Đỗ Nguyễn Khánh	Linh	YTB012401	2	29.50	0.5	30.17
346	Vĩ Ngọc	Diệp	TND003504	2	25.50	3.5	30.17
347	Phạm Thị Thục	Anh	HHA000838	2	29.50	0.5	30.17
348	Đàm Minh	Hằng	DCN003372	2	29.50	0.5	30.17

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
349	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	LNH006690	2	29.50	0.5	30.17
350	Phạm Ngọc	Anh	LNH000515	1	25.50	3.5	30.17
351	Khổng Thu	Trang	YTB022610	1	29.50	0.5	30.17
352	Phạm Thị Hải	Yến	TDV037071	1	29.50	0.5	30.17
353	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	DCN006443	4	28.75	1.0	30.08
354	Nguyễn Thị Hương	Giang	KQH003390	4	28.75	1.0	30.08
355	Đặng Thị	Nhận	TND018553	4	28.75	1.0	30.08
356	Phạm Thị Thúy	Ngân	HDT017684	4	28.75	1.0	30.08
357	Bùi Thị Hồng	Nhung	THV009833	4	28.75	1.0	30.08
358	Lê Minh	Hằng	YTB006958	4	28.75	1.0	30.08
359	Bùi Thị Phương	Anh	YTB000159	3	28.75	1.0	30.08
360	Vương Thị	Loan	THP008731	3	28.75	1.0	30.08
361	Phạm Thị Thảo	Ngọc	KHA007304	3	28.75	1.0	30.08
362	Ngô Thị Phương	Ngân	BKA009268	2	28.75	1.0	30.08
363	Đỗ Thị	Thảo	HDT023065	1	28.75	1.0	30.08
364	Trương Thị	Vi	TDV035985	1	28.75	1.0	30.08
365	Trịnh Khánh	Linh	THV007807	4	28.00	1.5	30.00
366	Nguyễn Hồng	Anh	SPH000758	4	30.00		30.00
367	Lê Đức	Anh	HDT000506	4	28.00	1.5	30.00
368	Phạm Thùy	Dung	NLS001628	4	28.00	1.5	30.00
369	Nguyễn Thu	Yến	TLA015935	4	30.00		30.00
370	Ngô Minh	Sơn	SPH014780	3	30.00		30.00
371	Nguyễn Trà	My	TLA009455	3	30.00		30.00
372	Võ Hiền	Anh	KHA000732	3	30.00		30.00
373	Cao Thị Phương	Loan	SPH010280	3	30.00		30.00
374	Lê Thị Thùy	Dung	TDV004496	3	28.00	1.5	30.00
375	Nguyễn Thị Sao	Mai	DHU012758	3	28.00	1.5	30.00
376	Lê Hồng	Anh	HDT000525	3	28.00	1.5	30.00
377	Lê Võ Thủy	Tiên	TLA013596	2	30.00		30.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
378	Vũ Phương	Linh	TLA008359	2	30.00		30.00
379	Phan Thị Ly	Na	TDV019838	2	28.00	1.5	30.00
380	Đoàn Ngọc	Yến	SPH019786	1	30.00		30.00
381	Thái Trà	My	HHA009413	1	30.00		30.00
382	Phan Thùy	Dung	DCN001755	4	29.25	0.5	29.92
383	Đặng Thu	Trang	KQH014403	4	29.25	0.5	29.92
384	Tô Thị Hương	Ly	TQU003485	4	25.25	3.5	29.92
385	Vũ Thị Minh	Anh	THP000955	4	29.25	0.5	29.92
386	Lê Thị Thúy	Hằng	DCN003409	4	29.25	0.5	29.92
387	Phùng Thị Minh	Phượng	SPH013966	3	29.25	0.5	29.92
388	Ngô Huy Quang	Minh	DCN007382	3	29.25	0.5	29.92
389	Phan Bảo	Ngọc	HHA010187	3	29.25	0.5	29.92
390	Văn Thị	Ngọc	KQH009999	3	29.25	0.5	29.92
391	Trần Thị Thùy	Dương	BKA002657	2	29.25	0.5	29.92
392	Nguyễn Thị Huyền	Anh	TDV000924	2	29.25	0.5	29.92
393	Trần Thị Cẩm	Tú	THP015924	2	29.25	0.5	29.92
394	Phan Thị Bích	Hạnh	TDV008655	1	29.25	0.5	29.92
395	Trần Thị Hải	Yến	DCN013484	4	28.50	1.0	29.83
396	Phan Thị Thu	Hoài	TDV011421	4	28.50	1.0	29.83
397	Lê Thị Thúy	Hòa	BKA005047	4	28.50	1.0	29.83
398	Phạm Thị	Thương	HDT025575	4	28.50	1.0	29.83
399	Nguyễn Tuấn	Anh	HDT001273	4	28.50	1.0	29.83
400	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	YTB018327	3	28.50	1.0	29.83
401	Lê Thị Thuỳ	Dương	HDT004836	3	28.50	1.0	29.83
402	Hoàng Thị	Nguyệt	HDT018283	3	28.50	1.0	29.83
403	Vũ Thị Thanh	Thắng	KQH013005	2	28.50	1.0	29.83
404	Đoàn Hồng	Nhung	HDT018685	4	27.75	1.5	29.75
405	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	TLA015918	4	27.75	1.5	29.75
406	Nguyễn Bảo	Ngọc	DHU014489	4	27.75	1.5	29.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
407	Nguyễn Phương	Thanh	THV011883	4	27.75	1.5	29.75
408	Ngô Thị Khánh	Quỳnh	TLA011601	4	29.75		29.75
409	Đỗ Minh	Anh	SPH000210	4	29.75		29.75
410	Nguyễn Thanh	Long	SPH010489	4	29.75		29.75
411	Nguyễn Thùy	Linh	SPH009994	3	29.75		29.75
412	Nguyễn Hoàng Nhật	Linh	TLA007928	3	29.75		29.75
413	Huỳnh Phương	Ngân	KHA007040	3	29.75		29.75
414	Nguyễn Trần Mỹ	Ngọc	HHA010177	3	29.75		29.75
415	Nguyễn Phương	Thảo	TLA012533	2	29.75		29.75
416	Đào Tường	Chi	SPH002348	1	29.75		29.75
417	Trần Thị Hải	Yến	KQH016653	4	29.00	0.5	29.67
418	Trần Thị Hương	Thơm	THP014004	4	29.00	0.5	29.67
419	Nguyễn Bảo	Ngọc	DCN008081	4	29.00	0.5	29.67
420	Dương Việt	Hà	TND006128	3	25.00	3.5	29.67
421	Đỗ Thị	Yến	THP017076	2	29.00	0.5	29.67
422	Đậu Phương	Thảo	TDV027962	2	29.00	0.5	29.67
423	Hoàng Thùy	Linh	HDT013996	2	29.00	0.5	29.67
424	Lương Bảo	Thái	TTB005622	2	25.00	3.5	29.67
425	Lê Thị Diệp	ánh	HVN000787	1	29.00	0.5	29.67
426	Đình Hoàng	Lộc	TLA008601	4	28.25	1.0	29.58
427	Chu Thị	Quỳnh	TDV025293	4	28.25	1.0	29.58
428	Lê Quỳnh	Chi	TDV002898	2	28.25	1.0	29.58
429	Lê Khánh	Linh	HDT014051	4	27.50	1.5	29.50
430	Đỗ Ngọc Thuỷ	Dương	KHA001994	4	29.50		29.50
431	Chu Tuệ	Anh	SPH000174	4	29.50		29.50
432	Nguyễn Thị Vân	Anh	SPH001107	4	29.50		29.50
433	Vũ Thị Bích	Ngọc	TND018181	4	27.50	1.5	29.50
434	Nghiêm Thị	Thơ	SPH016236	4	29.50		29.50
435	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	HHA001145	4	29.50		29.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
436	Đào Mai	Trang	BKA013308	4	29.50		29.50
437	Nguyễn Phương	Hà	SPH004882	3	29.50		29.50
438	Hà Thị Khánh	Linh	NLS006198	3	27.50	1.5	29.50
439	Hoàng Thu	Trang	SPH017391	3	29.50		29.50
440	Nguyễn Thu	Thảo	TND023221	3	27.50	1.5	29.50
441	Nguyễn Thị Trâm	Anh	KHA000487	3	29.50		29.50
442	Trần Anh	Thư	SPH016857	3	29.50		29.50
443	Phạm Thị Thanh	Hương	TLA006819	3	29.50		29.50
444	Đình Minh	Châu	TLA001770	1	29.50		29.50
445	Nguyễn Anh	Quân	THV010830	1	27.50	1.5	29.50
446	Phạm Thị Ngọc	Huyền	HUI006171	4	28.75	0.5	29.42
447	Vũ Thị Thùy	Tiên	KHA010043	4	28.75	0.5	29.42
448	Chu Thị	Na	TQU003700	4	24.75	3.5	29.42
449	Nông Thị	Mai	TND016040	4	24.75	3.5	29.42
450	Phạm Thị Phương	Lan	TLA007396	4	28.75	0.5	29.42
451	Lê Thị	Hoài	TDV011277	4	28.75	0.5	29.42
452	Nguyễn Thúy	Ngọc	LNH006708	4	24.75	3.5	29.42
453	Vũ Khánh	Linh	HVN006139	3	28.75	0.5	29.42
454	Lê Hoàng Yến	Nhi	HDT018560	3	28.75	0.5	29.42
455	Lục Quốc	Huy	THV005589	3	24.75	3.5	29.42
456	Bùi Khánh	Linh	HHA007761	3	28.75	0.5	29.42
457	Vũ Thị	Xuân	THP017019	2	28.75	0.5	29.42
458	Nguyễn Mai	Anh	BKA000505	1	28.75	0.5	29.42
459	Đào Thị Bích	Phương	YTB017178	4	28.00	1.0	29.33
460	Phan Cẩm	Tú	HVN011598	4	28.00	1.0	29.33
461	Mai Thị	Hằng	KQH004245	4	28.00	1.0	29.33
462	Trần Thị	Trang	YTB023140	3	28.00	1.0	29.33
463	Lê Minh	Nguyệt	TDV021670	3	28.00	1.0	29.33
464	Trần Thị Huyền	Trang	KQH014760	3	28.00	1.0	29.33

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
465	Lê Thị Lan	Hương	HDT012130	3	28.00	1.0	29.33
466	Vũ Minh	Hường	DCN005552	2	28.00	1.0	29.33
467	Bùi Thị Kim	Dung	YTB003465	2	28.00	1.0	29.33
468	Vũ Thị Hương	Giang	YTB005750	1	28.00	1.0	29.33
469	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	HHA004387	1	28.00	1.0	29.33
470	Trần Minh	Khải	SPH008622	4	29.25		29.25
471	Trần Tiến	Đạt	SPH003993	4	29.25		29.25
472	Trương ánh	Mai	TND016104	4	27.25	1.5	29.25
473	Nguyễn Hải	Nam	SPH011894	4	29.25		29.25
474	Phạm Thị Nam	Phượng	HHA011250	4	29.25		29.25
475	Lê Thái	Anh	THV000278	4	27.25	1.5	29.25
476	Nguyễn Thảo	Phượng	THV010523	4	27.25	1.5	29.25
477	Phạm Quốc	Anh	SPH001347	3	29.25		29.25
478	Hoàng Phương	Giang	HHA003471	3	29.25		29.25
479	Hoàng Hải	Ly	TND015644	3	27.25	1.5	29.25
480	Hà Nhật	Thăng	TLA012742	3	29.25		29.25
481	Nguyễn Thị Kim	Quý	HHA011590	2	27.25	1.5	29.25
482	Trần Minh	Anh	BKA000870	2	29.25		29.25
483	Nguyễn Lan	Hương	SPH008306	2	29.25		29.25
484	Đặng Thị	Nhung	HDT018683	1	27.25	1.5	29.25
485	Lê Thị Khánh	Huyền	TDV013437	1	27.25	1.5	29.25
486	Hứa Thị Thảo	Ly	TND015641	4	24.50	3.5	29.17
487	Nghiêm Ngọc	ánh	HHA001120	4	28.50	0.5	29.17
488	Nguyễn ánh	Ngọc	HDT018011	4	28.50	0.5	29.17
489	Nguyễn Minh	Anh	YTB000678	4	28.50	0.5	29.17
490	Đoàn Thị Khánh	Hoà	KQH005130	4	28.50	0.5	29.17
491	Bùi Thúy	Nương	LNH007085	4	24.50	3.5	29.17
492	Nguyễn Anh	Hùng	THV005446	3	28.50	0.5	29.17
493	Tô Thị Thanh	Thảo	TND023321	3	24.50	3.5	29.17

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
494	Lê Thùy	Dương	HHA002652	3	28.50	0.5	29.17
495	Đặng Minh	Khôi	LNH004827	3	28.50	0.5	29.17
496	Nguyễn Thị Thùy	Trang	HVN011102	3	28.50	0.5	29.17
497	La Thị Ngọc	Châm	TND002101	3	24.50	3.5	29.17
498	Trần Bùi Ngọc	Oanh	BKA010104	2	28.50	0.5	29.17
499	Nguyễn Thị Phương	Anh	HDT001163	4	27.75	1.0	29.08
500	Nguyễn Thị	Mai	YTB014017	4	27.75	1.0	29.08
501	Ngô Thị	Thủy	SPH016579	4	27.75	1.0	29.08
502	Bùi Thị Hoàng	Yến	THV015553	4	27.75	1.0	29.08
503	Phạm Nhật	Lệ	KHA005438	3	27.75	1.0	29.08
504	Nguyễn Thị	Linh	HDT014490	3	27.75	1.0	29.08
505	Bùi Thị Thúy	An	TDV000032	3	25.75	2.5	29.08
506	Nguyễn Thị Thu	Hà	YTB006049	3	27.75	1.0	29.08
507	Đặng Thị	Hằng	YTB006931	3	27.75	1.0	29.08
508	Nguyễn Kim	Anh	LNH000323	4	27.00	1.5	29.00
509	Phạm Ngọc	Hà	HHA003858	4	29.00		29.00
510	Phạm Thị	Nga	HHA009767	4	29.00		29.00
511	Phạm Trà	Giang	HHA003562	4	29.00		29.00
512	Nguyễn Thị Tú	Uyên	HDT029358	4	27.00	1.5	29.00
513	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	THV010938	4	27.00	1.5	29.00
514	Đàm Nhật	Linh	KHA005549	4	29.00		29.00
515	Trịnh Hoài	Đức	TND005702	4	27.00	1.5	29.00
516	Nguyễn Hồ Hoàng	Yến	HDT030383	3	27.00	1.5	29.00
517	Nguyễn Trần Phương	Thảo	DND021896	3	29.00		29.00
518	Nguyễn ánh	Quyên	SPH014342	3	29.00		29.00
519	Nguyễn Phương	Linh	BKA007595	3	29.00		29.00
520	Bùi Thu	Thủy	THV012997	3	27.00	1.5	29.00
521	Nguyễn Phương	Huyền	BKA006004	2	29.00		29.00
522	Nguyễn Bảo	Linh	KHA005504	2	29.00		29.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
523	Nguyễn Nhật	Linh	TLA008002	2	29.00		29.00
524	Nguyễn Thị Hằng	Nga	BKA009159	2	29.00		29.00
525	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TLA012577	2	29.00		29.00
526	Đặng Thị	Dung	DCN001685	2	27.00	1.5	29.00
527	Tạ Hoàng	An	TLA000073	2	29.00		29.00
528	Nguyễn Hà	Thủy	SPH016585	1	29.00		29.00
529	Nguyễn Tuấn	Trung	SPH018149	1	29.00		29.00
530	Nguyễn Thị Hạnh	Nguyên	SPH012748	1	29.00		29.00
531	Lê Thị Thanh	Hằng	THV004031	1	27.00	1.5	29.00
532	Bế Ngọc	ánh	TND001235	4	24.25	3.5	28.92
533	Vũ Thị Thanh	Xuân	SPH019729	4	28.25	0.5	28.92
534	Nguyễn Minh	Khanh	BKA006686	3	28.25	0.5	28.92
535	Đoàn Thị Ngọc	Trâm	HDT027320	3	28.25	0.5	28.92
536	Nguyễn Thị Thu	Nga	KQH009562	3	28.25	0.5	28.92
537	Dương Khánh	Linh	YTB012392	3	28.25	0.5	28.92
538	Nguyễn Đức	Anh	HVN000296	2	28.25	0.5	28.92
539	Pờ Minh	Chuyên	THV001550	2	24.25	3.5	28.92
540	Nguyễn Thị Minh	Tú	HVN011581	4	27.50	1.0	28.83
541	Nguyễn Minh	Đức	SPH004315	4	27.50	1.0	28.83
542	Nguyễn Thị	Thủy	HVN010311	4	27.50	1.0	28.83
543	Ngô Thị	Nhàn	BKA009759	4	27.50	1.0	28.83
544	Phạm Thị Mỹ	Linh	KHA005871	3	27.50	1.0	28.83
545	Đỗ Thị	Hằng	HDT007761	3	27.50	1.0	28.83
546	Phạm Thị Trang	Thu	YTB020964	2	27.50	1.0	28.83
547	Đỗ Thị	Hoa	HVN003782	1	27.50	1.0	28.83
548	Nguyễn	Phan	SPH013335	4	28.75		28.75
549	Tống Thị	Chinh	TND002555	3	26.75	1.5	28.75
550	Ngô Thị Linh	Huyền	HHA006315	3	26.75	1.5	28.75
551	Tạ Ngọc Bảo	Thư	TQU005549	2	26.75	1.5	28.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
552	Đỗ Thị	Vân	TND029031	2	26.75	1.5	28.75
553	Nguyễn Hoàng	Hiếu	SPH006304	2	28.75		28.75
554	Nguyễn Đức	Tú	TLA014755	2	28.75		28.75
555	Chu Sơn	Nguyên	HHA010273	1	28.75		28.75
556	Đỗ Tùng	Sơn	BKA011241	4	28.00	0.5	28.67
557	Nguyễn Phương	Anh	TND000683	4	28.00	0.5	28.67
558	Tống Thị Hương	Giang	TND006011	4	28.00	0.5	28.67
559	Trần Thị Huyền	Trâm	TDV033324	3	28.00	0.5	28.67
560	Nguyễn Ngọc	Anh	YTB000683	3	28.00	0.5	28.67
561	Võ Thị Ngọc	Loan	TDV017618	3	28.00	0.5	28.67
562	Kiều Thị Mai	Anh	KQH000222	2	28.00	0.5	28.67
563	Đỗ Thị Phương	Thảo	THV012106	2	28.00	0.5	28.67
564	Trịnh Hồng	Vân	HDT029662	1	28.00	0.5	28.67
565	Bùi Thị Ngọc	Anh	YTB000153	4	27.25	1.0	28.58
566	Nguyễn Phúc	Nam	SPH011943	4	27.25	1.0	28.58
567	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	SPH012752	3	27.25	1.0	28.58
568	Nguyễn Tiến	Đạt	YTB004791	2	27.25	1.0	28.58
569	Nguyễn Thị Anh	Thư	HHA013974	4	28.50		28.50
570	Nguyễn Thị Thảo	Phương	TTB004914	4	26.50	1.5	28.50
571	Vũ Thị Minh	Hằng	TQU001666	3	26.50	1.5	28.50
572	Vũ Quỳnh	Mai	TLA008989	3	28.50		28.50
573	Nguyễn Linh	Chi	BKA001527	3	28.50		28.50
574	Lê Thị Phương	Linh	TTB003488	3	26.50	1.5	28.50
575	Nguyễn Phương	Anh	BKA000546	2	28.50		28.50
576	Trương Diệu	Linh	TLA008328	2	28.50		28.50
577	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005911	1	26.50	1.5	28.50
578	Bùi Thị Hải	Phương	HHA011016	1	28.50		28.50
579	Ông Thị Diệu	Anh	KHA000570	4	25.75	2.0	28.42
580	Hoàng Thị Thúy	Vi	TQU006450	4	23.75	3.5	28.42

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
581	Bùi Thị Hà	Trang	HHA014388	4	27.75	0.5	28.42
582	Đoàn Lan	Anh	KQH000174	4	27.75	0.5	28.42
583	Lê Thị Hồng	Xoan	TDV036622	4	27.75	0.5	28.42
584	Mai Hồng	Minh	HDT016577	3	27.75	0.5	28.42
585	Nguyễn Thanh	Quý	KQH011380	3	27.75	0.5	28.42
586	Đình Thị	Hài	THP004052	3	27.75	0.5	28.42
587	Nguyễn Thanh	Thư	HDT025355	2	27.75	0.5	28.42
588	Đào Thị Thanh	Nga	HHA009701	2	27.75	0.5	28.42
589	Ngô Thị Minh	Thúy	YTB021515	2	27.75	0.5	28.42
590	Doãn Thùy	Dương	YTB004258	1	27.75	0.5	28.42
591	Lã Thị Kim	Dung	KQH002036	4	27.00	1.0	28.33
592	Vũ Thị Minh	Hằng	YTB007203	4	27.00	1.0	28.33
593	Dương Thị	Hằng	SPH005525	4	27.00	1.0	28.33
594	Lê Thị	Giang	HDT006294	3	27.00	1.0	28.33
595	Nguyễn Thị Thu	Hà	YTB006071	3	27.00	1.0	28.33
596	Hoàng Thị	Hiền	SPH005879	2	27.00	1.0	28.33
597	Nguyễn Thị Lam	Hoa	TND008799	4	26.25	1.5	28.25
598	Lê Đình	Hiệp	TLA004967	4	28.25		28.25
599	Nguyễn Kim	Chi	THV001265	4	26.25	1.5	28.25
600	Nguyễn Phương	Trình	SPH017987	3	28.25		28.25
601	Nguyễn Quang	Thịnh	TND024009	3	26.25	1.5	28.25
602	Trần Hoài	An	SPH000082	3	28.25		28.25
603	Nguyễn Đức	Tiến	SPH017008	3	28.25		28.25
604	Phùng Thị Ngọc	Trình	SPH018000	3	28.25		28.25
605	Tạ Trần Thu	Hiền	TQU001742	3	26.25	1.5	28.25
606	Nguyễn Thị Trung	Anh	BKA000639	3	28.25		28.25
607	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	HHA016581	2	28.25		28.25
608	Hoàng Chi	Linh	THV007377	2	26.25	1.5	28.25
609	Đỗ Thị Linh	Trang	SPH017310	2	28.25		28.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
610	Bùi Thị	Giang	DCN002642	4	23.50	3.5	28.17
611	Phạm Thị Thu	Trang	TND026670	4	27.50	0.5	28.17
612	Trần Thu	Hà	THV003635	3	27.50	0.5	28.17
613	Nguyễn Phương	Linh	TDV016713	3	27.50	0.5	28.17
614	Phan Thùy	Nhung	KQH010367	3	27.50	0.5	28.17
615	Phạm Thị Hồng	Nhung	HDT018961	3	23.50	3.5	28.17
616	Nguyễn Hồng	Hạnh	THV003877	3	27.50	0.5	28.17
617	Nguyễn Kim	Hoa	THV004744	2	27.50	0.5	28.17
618	Nguyễn Thị Kim	Anh	DHU000557	1	27.50	0.5	28.17
619	Nguyễn Thị Huyền	Trang	KQH014548	3	26.75	1.0	28.08
620	Phùng Mạnh	Tài	KQH012067	3	26.75	1.0	28.08
621	Trịnh Thị	Tuyến	BKA014634	2	26.75	1.0	28.08
622	Đặng Thị	Hường	BKA006562	2	26.75	1.0	28.08
623	Phạm Thị Lan	Hương	BKA006480	2	26.75	1.0	28.08
624	Đặng Thị Thủy	Tiên	THP014689	2	26.75	1.0	28.08
625	Đào Thị Lan	Anh	YTB000304	2	26.75	1.0	28.08
626	Đào Tuấn	Hiệp	TLA004950	4	28.00		28.00
627	Đỗ Duy	Khánh	HHA007171	4	28.00		28.00
628	Nguyễn Phan Mỹ	Anh	HHA000540	4	28.00		28.00
629	Nguyễn Hải	Đặng	TLA003394	4	28.00		28.00
630	Lê Thị Thảo	Linh	BKA007469	3	28.00		28.00
631	Nguyễn Trần Phương	Trang	SPH017720	3	28.00		28.00
632	Bùi Phương	Thảo	HHA012716	3	28.00		28.00
633	Trần Thị Hà	Phương	THP011725	2	28.00		28.00
634	Nguyễn Việt	Lâm	TQU002909	1	26.00	1.5	28.00
635	Nguyễn Phương	Trang	TLA014066	1	28.00		28.00
636	Kiều Phương	Linh	DCN006281	4	27.25	0.5	27.92
637	Lê Thị Hương	Giang	SPH004513	4	27.25	0.5	27.92
638	Sầm Thị Diệu	Sương	TDV026589	3	23.25	3.5	27.92

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
639	Chu Liên	Thương	TTB006484	3	23.25	3.5	27.92
640	Nguyễn Phùng	Bách	HDT001948	3	27.25	0.5	27.92
641	Vũ Gia	Khiêm	DCN005712	3	27.25	0.5	27.92
642	Trần Hoàng	ánh	BKA001171	2	27.25	0.5	27.92
643	Đặng Đình Anh	Đức	YTB005231	2	27.25	0.5	27.92
644	Đỗ Thị Minh	Thu	HHA013514	2	27.25	0.5	27.92
645	Hứa Thị	Thùy	THV012959	1	23.25	3.5	27.92
646	Quyền Thị Thúy	Nga	BKA009190	1	27.25	0.5	27.92
647	Nguyễn Thị Châu	Anh	HHA000574	1	27.25	0.5	27.92
648	Nguyễn Phương	Anh	YTB000714	4	26.50	1.0	27.83
649	Phan Thị	Phương	BKA010481	3	26.50	1.0	27.83
650	Phạm Khắc	Điệp	YTB005000	3	26.50	1.0	27.83
651	Bế Phương	Linh	TLA007593	3	26.50	1.0	27.83
652	Nguyễn Thị	Thu	HVN010121	2	26.50	1.0	27.83
653	Nguyễn Thị Nhật	Linh	HDT014571	1	26.50	1.0	27.83
654	Phạm Thu	Trang	HHA014774	4	25.75	1.5	27.75
655	Trần Thị Lệ	Quyên	NLS010028	4	25.75	1.5	27.75
656	Nguyễn Thùy	Giang	TQU001333	3	25.75	1.5	27.75
657	Dương Thị Thanh	Mai	THV008356	3	25.75	1.5	27.75
658	Nguyễn Hồng	Nhung	BKA009928	3	27.75		27.75
659	Nguyễn Thị Phương	Linh	HHA008112	3	27.75		27.75
660	Lương Mỹ	Duyên	SPH003487	2	27.75		27.75
661	Trần Hà	Phương	HHA011266	2	27.75		27.75
662	Dương Đức	Anh	BKA000119	2	27.75		27.75
663	Bùi Thu	Hằng	TLA004528	1	27.75		27.75
664	Nguyễn Phương	Ly	TLA008796	1	27.75		27.75
665	Nguyễn Thị	Hường	TND012187	1	25.75	1.5	27.75
666	Trịnh Thị Phương	Anh	HDT020299	4	27.00	0.5	27.67
667	Vi Thị Kim	Ngân	THV009296	4	27.00	0.5	27.67

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
668	Đỗ Thị Ngọc	Linh	BKA007354	3	27.00	0.5	27.67
669	Đào Thị Ngọc	Ngà	HHA009794	2	27.00	0.5	27.67
670	Đinh Hoàng Thùy	Linh	TQU003083	1	23.00	3.5	27.67
671	Trần Thị Mỹ	Linh	DCN006606	2	26.25	1.0	27.58
672	Nguyễn Thị Trà	My	HVN006951	2	26.25	1.0	27.58
673	Lại Thị Nhật	Anh	TND000506	2	26.25	1.0	27.58
674	Nguyễn Ngọc Tố	Anh	THP000474	1	26.25	1.0	27.58
675	Tống Văn	Tài	HDT022074	4	25.50	1.5	27.50
676	Lê Thị Thu	Hoài	TDV011294	4	25.50	1.5	27.50
677	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	SPH009919	3	27.50		27.50
678	Bùi Lan	Phượng	KHA007884	3	27.50		27.50
679	Nguyễn Thị Hoài	Trâm	TDV033267	2	25.50	1.5	27.50
680	Nguyễn Phương	Linh	TLA008004	2	27.50		27.50
681	Lê Thùy	Linh	TLA007835	2	27.50		27.50
682	Doãn Thúy	Hằng	TLA004532	2	27.50		27.50
683	Bùi Linh	Chi	SPH002331	2	27.50		27.50
684	Đồng Thị Lan	Anh	THP000240	2	25.50	1.5	27.50
685	Chu Quỳnh	Chi	BKA001514	2	27.50		27.50
686	Nguyễn Thùy	Linh	SPH010003	1	27.50		27.50
687	Nguyễn Thị Anh	Ngọc	HDT018034	4	26.75	0.5	27.42
688	Lê Ngọc	Nhung	HVN007791	4	26.75	0.5	27.42
689	Lý Thị Ngọc	Trâm	TND026831	4	22.75	3.5	27.42
690	Hoàng Thị	Hằng	TND007292	4	22.75	3.5	27.42
691	Trần Thị Thuỳ	Anh	YTB001313	3	26.75	0.5	27.42
692	Nguyễn Đỗ Phương	Thảo	HHA012892	3	26.75	0.5	27.42
693	Tạ Thị	Nga	HDT017518	3	26.75	0.5	27.42
694	Mạc Kim	Chi	TND002257	1	22.75	3.5	27.42
695	Dương Mạnh	Cường	THV001736	1	22.75	3.5	27.42
696	Phạm Thị Thương	Thương	TTB006514	1	22.75	3.5	27.42

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
697	Nguyễn Thị	Linh	TDV016826	4	26.00	1.0	27.33
698	Nguyễn Thị Hương	Ly	YTB013836	4	26.00	1.0	27.33
699	Lê Thị	Nhâm	TLA010380	3	26.00	1.0	27.33
700	Lê Thị	Hoan	TLA005465	3	26.00	1.0	27.33
701	Nguyễn Thị	Bích	HDT002091	3	26.00	1.0	27.33
702	Phạm Thị	Hường	YTB011083	2	26.00	1.0	27.33
703	Lê Mạnh	Đạt	THP002981	1	26.00	1.0	27.33
704	Thịnh Thái	Thảo	SPH015812	4	27.25		27.25
705	Lê Đức	Mạnh	BKA008509	3	27.25		27.25
706	Phạm Hồng	Loan	TLA008406	3	25.25	1.5	27.25
707	Đặng Trần Thu	Huyền	HHA006257	3	27.25		27.25
708	Nguyễn Thị Minh	Huyền	SPH007875	3	27.25		27.25
709	Nguyễn Thu	Trang	SPH017686	2	27.25		27.25
710	Nguyễn Thu	Huyền	HHA006421	2	27.25		27.25
711	Lương Mỹ	Linh	SPH009648	2	27.25		27.25
712	Nguyễn Hạnh	Uyên	SPH019147	1	27.25		27.25
713	Hoàng Ngọc	Chi	TND002224	4	22.50	3.5	27.17
714	Nguyễn Thị	Linh	LNH005370	4	26.50	0.5	27.17
715	Trần Khánh	Linh	TLA008251	4	26.50	0.5	27.17
716	Nguyễn Thị Minh	Nhật	TND018640	4	26.50	0.5	27.17
717	Phan Lê	Bình	TND001919	4	26.50	0.5	27.17
718	Phạm Thị Linh	Trang	KHA010510	4	26.50	0.5	27.17
719	Nguyễn Thanh	Mai	LNH005973	4	26.50	0.5	27.17
720	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	SPH017616	4	26.50	0.5	27.17
721	Phạm Thị Thanh	Nguyệt	SPH012840	3	26.50	0.5	27.17
722	Đặng Thị Thúy	Hạnh	TDV008490	3	26.50	0.5	27.17
723	Dương Thị Mỹ	Linh	HDT013796	3	26.50	0.5	27.17
724	Hà Thị Minh	Phương	YTB017212	3	26.50	0.5	27.17
725	Nguyễn Thị Thanh	Hà	BKA003702	2	26.50	0.5	27.17

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
726	Nông Hoàng	Như	TND019104	2	22.50	3.5	27.17
727	Diệp Thị	Liên	SPH009296	1	22.50	3.5	27.17
728	Bùi Thị Ngọc	Trâm	HDT027311	4	25.75	1.0	27.08
729	Phan Thị Thu	Hảo	TLA004517	3	25.75	1.0	27.08
730	Nguyễn Thị	Tuyền	SPH018992	3	25.75	1.0	27.08
731	Nguyễn Thị Vân	Huyền	KQH006295	2	25.75	1.0	27.08
732	Nguyễn Quang	Hưng	HHA006620	3	27.00		27.00
733	Phạm Huyền	Cơ	TLA002178	3	27.00		27.00
734	Hồ Minh	Anh	SPH000347	3	27.00		27.00
735	Trần Hương	Giang	DCN002754	4	26.25	0.5	26.92
736	Nguyễn Minh	Diễm	HVN001527	3	26.25	0.5	26.92
737	Phùng Thị Cẩm	Nhung	DCN008485	3	26.25	0.5	26.92
738	Nguyễn Vũ Thảo	Linh	YTB012920	3	26.25	0.5	26.92
739	Giáp Thị Hồng	Thanh	TND022416	3	26.25	0.5	26.92
740	Vũ Đình	Hưng	THP006891	4	25.50	1.0	26.83
741	Trịnh Thị Tuyết	Mai	HDT016182	3	25.50	1.0	26.83
742	Vũ Hoàng	Long	THP008850	3	25.50	1.0	26.83
743	Trần Văn	Phúc	HDT019575	2	25.50	1.0	26.83
744	Nguyễn Thị Hương	Ly	THV008295	4	24.75	1.5	26.75
745	Lê Thảo	Nhi	HHA010455	4	24.75	1.5	26.75
746	Hồ Nam	Sơn	THV011404	3	24.75	1.5	26.75
747	Đào Mai	Hương	BKA006352	3	24.75	1.5	26.75
748	Đỗ Doãn Ngọc	Ly	SPH010760	1	26.75		26.75
749	Nguyễn Tiến	Đạt	BKA002867	4	26.00	0.5	26.67
750	Đỗ Thị Thanh	Huyền	SPH007696	3	26.00	0.5	26.67
751	Mai Thục	Anh	HDT000865	2	26.00	0.5	26.67
752	Bạch Ngọc	Anh	LNH000045	2	26.00	0.5	26.67
753	Trần Thị	Diệu	KHA001593	4	25.25	1.0	26.58
754	Vũ Thị	Ngọc	THP010524	4	25.25	1.0	26.58

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
755	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	HVN004719	4	25.25	1.0	26.58
756	Nguyễn Thị	Mỹ	HVN006967	4	25.25	1.0	26.58
757	Phạm Thị	ánh	YTB001658	4	25.25	1.0	26.58
758	Vũ Thị Thuỳ	Dương	YTB004488	3	25.25	1.0	26.58
759	Phạm Thị	Hương	YTB010837	2	25.25	1.0	26.58
760	Trần Đăng	Huỳnh	KQH006425	2	25.25	1.0	26.58
761	Nguyễn Thùy	Linh	LNH005432	3	24.50	1.5	26.50
762	Phạm Hồng	Ngọc	THV009558	2	24.50	1.5	26.50
763	Lê Trần Thu	Uyên	SPH019144	2	26.50		26.50
764	Nguyễn Thùy	Dung	TND003779	1	24.50	1.5	26.50
765	Vũ Thị	Hiền	DCN003795	1	24.50	1.5	26.50
766	Phạm Thị Như	Quỳnh	BKA011118	4	25.75	0.5	26.42
767	Lưu Thị Hồng	Lương	BKA008243	3	25.75	0.5	26.42
768	Nguyễn Thu	Hiền	HHA004642	3	25.75	0.5	26.42
769	Phan Thị	Thu	HDT024490	3	25.75	0.5	26.42
770	Bùi Thị ánh	Ngọc	YTB015566	2	25.75	0.5	26.42
771	Lã Minh	Thúy	HHA013869	2	25.75	0.5	26.42
772	Nguyễn Minh	Vương	TLA015752	2	25.75	0.5	26.42
773	Nguyễn Thị Hoài	Thương	TDV031055	2	25.75	0.5	26.42
774	Lê Thị Thu	Hằng	HHA004348	4	25.00	1.0	26.33
775	Hà Huy	Quyền	THP012209	4	25.00	1.0	26.33
776	Trần Thị Thùy	Trang	YTB023124	3	25.00	1.0	26.33
777	Mai Thị Thúy	Hà	BKA003663	2	25.00	1.0	26.33
778	Lại Thu	Trang	TLA014006	4	24.25	1.5	26.25
779	Lê Thị Bích	Diệp	HDT003606	4	24.25	1.5	26.25
780	Nguyễn Thị	Trà	SPH017235	2	26.25		26.25
781	Nguyễn Thị Minh	Anh	HDT001116	4	25.50	0.5	26.17
782	Hà Minh	Hòa	TND008933	4	25.50	0.5	26.17
783	Lê Thị Mỹ	Hạnh	THP004261	4	25.50	0.5	26.17

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
784	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	TDV016929	4	25.50	0.5	26.17
785	Phạm Thị Hồng	Duyên	SPH003518	3	25.50	0.5	26.17
786	Nguyễn Hà	Phương	TDV023906	4	24.75	1.0	26.08
787	Nguyễn Thị Vân	Anh	BKA000642	2	24.75	1.0	26.08
788	Trần Ngọc	Anh	SPH001510	2	26.00		26.00
789	Phùng Mạnh	Cường	KHA001490	4	25.25	0.5	25.92
790	Nguyễn Minh	Nguyệt	LNH006806	3	21.25	3.5	25.92
791	Đỗ Minh	Tâm	BKA011471	3	25.25	0.5	25.92
792	Bùi Thu	Trang	LNH009653	2	21.25	3.5	25.92
793	Hoàng Quốc	Việt	KQH016170	3	24.50	1.0	25.83
794	Thiếu Quang	Minh	TLA009310	4	25.75		25.75
795	Trần Thị Hà	Phương	SPH013865	4	25.75		25.75
796	Vũ Minh	Nguyệt	BKA009733	3	25.75		25.75
797	Hồ Ngọc Bích	Phương	HHA011075	2	23.75	1.5	25.75
798	Vũ Hải	Linh	SPH010236	2	25.75		25.75
799	Nguyễn Tường	Vi	SPH019349	1	25.75		25.75
800	Hoàng Thị	Hường	KQH006851	4	21.00	3.5	25.67
801	Nguyễn Thùy	Tiên	TND025492	4	25.00	0.5	25.67
802	Linh Thị Mai	Anh	TND000507	4	21.00	3.5	25.67
803	Vũ Thị	Thảo	BKA012056	3	25.00	0.5	25.67
804	Lò Văn	Thủy	TTB006374	3	21.00	3.5	25.67
805	Nguyễn Thị Mai	Phượng	YTB017594	2	24.25	1.0	25.58
806	Hoàng Thị Thùy	Vân	HHA016059	3	25.50		25.50
807	Lê Thị Hương	Giang	KHA002621	3	25.50		25.50
808	Trần Thị Minh	Tuyến	SPH019031	2	25.50		25.50
809	Hoàng	Hiệp	LNH003234	1	23.50	1.5	25.50
810	Nguyễn Châm	Anh	SPH000679	1	23.50	1.5	25.50
811	Hoàng Ngọc	Chi	TND002326	3	24.75	0.5	25.42
812	Nguyễn Thị	Thìn	THP013840	3	24.75	0.5	25.42

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
813	Đoàn Mỹ	Hạnh	HHA004179	2	24.75	0.5	25.42
814	Ngô Thị Kim	Chi	TLA001872	2	24.75	0.5	25.42
815	Chu Nhật	Lệ	TND013651	1	23.25	1.5	25.25
816	Nguyễn Gia	Bảo	LNH000731	1	23.25	1.5	25.25
817	Nguyễn Thị Thu	Hiền	THP004853	4	24.50	0.5	25.17
818	Nguyễn Huyền	Trang	HDT026719	4	24.50	0.5	25.17
819	Nguyễn Hồng	Nhung	TND018908	4	20.50	3.5	25.17
820	Lương Thị Linh	Chi	HDT002535	3	20.50	3.5	25.17
821	Hoàng Hồng	Sinh	SPH014677	4	23.75	1.0	25.08
822	Lê Kim	Yến	HDT030347	3	23.75	1.0	25.08
823	Phí Việt	Phương	YTB017400	3	23.00	1.5	25.00
824	Nông Thị	Xâm	TND029728	4	20.25	3.5	24.92
825	Vũ Hà	Nhi	KHA007504	4	24.25	0.5	24.92
826	Hoàng Thị	Xuân	TND029773	4	20.25	3.5	24.92
827	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	HDT026824	4	24.25	0.5	24.92
828	Trần Thu	Uyên	THV015044	3	20.25	3.5	24.92
829	Nguyễn Thị	Thành	LNH008353	1	24.25	0.5	24.92
830	Đỗ Thị	Thiện	HDT023973	4	23.50	1.0	24.83
831	Nguyễn Thị Hải	Yến	YTB025772	4	23.50	1.0	24.83
832	Lê Thu	Hà	HDT006724	3	23.50	1.0	24.83
833	Nguyễn Ngọc	Huyền	KHA004543	1	24.75		24.75
834	Lê Hồng	Tuấn	HDT028221	4	24.00	0.5	24.67
835	Đỗ Thị	Quỳnh	BKA011028	2	23.25	1.0	24.58
836	Bùi Thị Hồng	Ngọc	TDV021018	4	22.50	1.5	24.50
837	Trần Thị Lan	Anh	TND001099	4	22.50	1.5	24.50
838	Hoàng Thị Thanh	Mai	TND015935	3	22.50	1.5	24.50
839	Nguyễn Thị Phương	Hoa	TND008807	3	22.50	1.5	24.50
840	Võ Thùy	Linh	KHA005949	2	24.50		24.50
841	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	SPH017921	2	24.50		24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
842	Bùi Hoàng	Tiến	TLA013624	1	24.50		24.50
843	Lâm Ngọc	ánh	THP001040	3	23.75	0.5	24.42
844	Lâu Thị	Báu	TTB000350	1	19.75	3.5	24.42
845	Nguyễn Thị	Mai	HVN006605	4	23.00	1.0	24.33
846	Ngô Thị	Hạnh	TND006962	3	23.00	1.0	24.33
847	Nguyễn Thị	Hợi	LNH003779	4	22.25	1.5	24.25
848	Đặng Thị Hồng	Nhung	TND018808	2	22.25	1.5	24.25
849	Nguyễn Thị Anh	Thư	LNH009324	1	22.25	1.5	24.25
850	Bùi Thị	Vi	TLA015522	2	23.50	0.5	24.17
851	Trần Minh	Hằng	KHA003290	1	23.50	0.5	24.17
852	Nguyễn Thị Thu	Ngoan	TND017827	4	22.00	1.5	24.00
853	Phạm Thị Tuyết	Hoa	THV004777	1	22.00	1.5	24.00
854	Khiếu Thị Kim	Anh	YTB000458	4	23.25	0.5	23.92
855	Dương Thị Thu	Hương	TND011695	4	19.25	3.5	23.92
856	Lường Thị	Lan	TTB003316	1	19.25	3.5	23.92
857	Đậu Thị Quỳnh	Chi	TDV002882	1	23.25	0.5	23.92
858	Nguyễn Thị	Phương	TDV023994	3	22.50	1.0	23.83
859	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	TDV009240	3	22.50	1.0	23.83
860	Nguyễn Thị	Thuỷ	TND024611	4	21.75	1.5	23.75
861	Đỗ Thị Minh	Thu	TLA013130	3	23.75		23.75
862	Nguyễn Thị	Huyền	TTB002829	1	21.75	1.5	23.75
863	Vũ Tiến	Hùng	THV006098	1	21.75	1.5	23.75
864	Đào Huyền	My	TND016779	4	23.00	0.5	23.67
865	Hà Thúy	Hằng	SPH005548	4	23.00	0.5	23.67
866	Nguyễn Thị Huyền	Trang	YTB022768	3	23.00	0.5	23.67
867	Phạm Thị Thanh	Dung	DCN001758	3	22.25	1.0	23.58
868	Đào Anh	Quỳnh	THV011035	4	21.50	1.5	23.50
869	Nguyễn Hồng	Diệp	TND005166	4	18.75	3.5	23.42
870	Bùi Yến	Chi	THP001482	4	22.00	1.0	23.33

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
871	Nguyễn Thị	Thắm	KQH012834	1	22.00	1.0	23.33
872	Đỗ Huyền	Trang	YTB022470	2	21.75	1.0	23.08
873	Trần Thị Bích	Hạnh	YTB006734	1	21.75	1.0	23.08
874	Vũ Thị Thu	Trang	NLS013364	4	21.00	1.5	23.00
875	Phạm Hương	Thảo	TLA012638	3	23.00		23.00
876	Nông Thị Thu	Hoài	TND009059	4	18.25	3.5	22.92
877	Trần Thị Phương	Linh	THV007788	4	18.25	3.5	22.92
878	Nguyễn Thị Diệu	Linh	LNH005354	3	22.25	0.5	22.92
879	Nguyễn Thúy	Hằng	THP004564	3	22.25	0.5	22.92
880	Dương Linh	Chi	THV001245	2	22.25	0.5	22.92
881	Trần Thị Ngọc	Anh	BJA000925	2	22.25	0.5	22.92
882	Phạm Thị Thanh	Hải	YTB006466	4	21.50	1.0	22.83
883	Nguyễn Bình	Dương	TTB001355	3	20.75	1.5	22.75
884	Trương Thuỳ	Linh	TND014842	2	20.75	1.5	22.75
885	Vương Cao	Minh	SPH011585	1	22.75		22.75
886	Chắc Kiều	Hoài	TQU001983	4	18.00	3.5	22.67
887	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	TND008803	4	22.00	0.5	22.67
888	Phàn Mẫn	Lẫy	DCN005972	2	18.00	3.5	22.67
889	Nguyễn Thị Kim	Thoan	TLA013090	4	21.25	1.0	22.58
890	Chu Thị Thục	Anh	YTB000193	4	21.25	1.0	22.58
891	Phạm Thị Hà	Trang	YTB022998	4	21.25	1.0	22.58
892	Trương Thị Hồng	Mai	YTB014137	1	21.25	1.0	22.58
893	Phạm Văn	Tú	THP015915	1	21.25	1.0	22.58
894	Đỗ Thu	Hoài	THV004886	3	17.75	3.5	22.42
895	Nguyễn Thị	Thu	YTB020925	4	21.00	1.0	22.33
896	Nguyễn Thị	Nga	SPH012172	2	21.00	1.0	22.33
897	Đoàn Diễm	My	TLA009384	1	22.25		22.25
898	Bàn Kiều Phương	Chinh	HDT002702	1	17.50	3.5	22.17
899	Đào Thị	Duyên	TDV005229	2	20.75	1.0	22.08

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
900	Đỗ Thu	Thủy	KHA009775	4	22.00		22.00
901	Đỗ Thị Kiều	Anh	TLA000218	1	22.00		22.00
902	Nông Thị	Bốn	TND001954	3	17.25	3.5	21.92
903	Vũ Nguyễn Nhật	Minh	HVN006894	1	21.25	0.5	21.92
904	Vương Thị Khánh	Huyền	THP006756	4	20.50	1.0	21.83
905	Nguyễn Thị Phương	An	HVN000021	3	20.50	1.0	21.83
906	Trần Thanh	Loan	SPH010277	3	19.75	1.5	21.75
907	Nguyễn Thị Minh	Trang	TND026457	2	19.75	1.5	21.75
908	Vương Thị Thu	Phương	THV010598	2	19.75	1.5	21.75
909	Nông Thị Minh	Thu	TND024423	1	17.00	3.5	21.67
910	Trần Thị	Hà	HDT006976	4	20.25	1.0	21.58
911	Tự Thị Mỹ	Linh	THP008529	1	20.25	1.0	21.58
912	Đào Thị	Thu	HVN010083	4	20.00	1.0	21.33
913	Lê Thị	Hoa	HDT009209	2	19.75	1.0	21.08
914	Nhâm Thị	Ngân	YTB015402	2	19.75	1.0	21.08
915	Quách Thị Phương	Thảo	HHA013063	1	19.75	1.0	21.08
916	Nguyễn Thu	Trang	TQU005861	4	19.00	1.5	21.00
917	Trần Thị Bích	Phượng	BKA010628	3	20.25	0.5	20.92
918	Lê Thu	Thảo	YTB019721	1	19.50	1.0	20.83
919	Nguyễn Hồng	Hạnh	TTB001934	4	18.75	1.5	20.75
920	Trần Thị	Phượng	HHA011396	4	16.00	3.5	20.67
921	Đậu Thị	Thúy	KQH013758	2	19.25	1.0	20.58
922	Mai Thị Thủy	Tiên	DND024539	2	19.00	1.0	20.33
923	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	YTB016405	2	19.00	1.0	20.33
924	Hạng Thị	Pàng	TTB004708	4	15.50	3.5	20.17
925	Lê Thị	Trang	TLA013996	4	18.75	1.0	20.08
926	Nguyễn Thị	Hạnh	KQH004003	2	18.75	1.0	20.08
927	Nguyễn Ngọc	ánh	DCN000815	4	15.25	3.5	19.92
928	Nguyễn Thị	Duyên	TND004341	4	17.75	1.5	19.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

Trang 33

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
929	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	HVN008861	4	19.00	0.5	19.67
930	Trần Thị	Hường	THP006773	2	17.50	1.0	18.83
931	Thào A	Tăng	TTB005526	4	13.75	3.5	18.42
932	Nguyễn Thị Thiên	Hương	TDV014439	4	16.50	1.0	17.83
933	Đỗ Anh	Đức	BKA003138	4	16.50	1.0	17.83
934	Nguyễn Thị	Ngân	YTB015395	1	16.25	1.0	17.58
935	Phạm Thị Hoài	Thu	HDT024494	4	14.50	1.5	16.50

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2015
NGƯỜI LẬP BIỂU